

Số: /KH-UBND

Tân Yên, ngày tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn huyện

Thực hiện Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Văn bản số 2131/SNN-TT&BVTW ngày 22/12/2020 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh về việc xây dựng “Kế hoạch An ninh lương thực Quốc gia đến năm 2030”; Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 302/KH-UBND phù hợp với thực tiễn của huyện; thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm làm cơ sở đảm bảo vững chắc về an ninh lương thực quốc gia, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, hướng tới xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ổn định, bền vững; cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với nền kinh tế tri thức, hiện đại, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và sự phát triển của khoa học công nghệ; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, ban, ngành từ huyện đến cơ sở cần quán triệt nghiêm túc nội dung của Kế hoạch số 302/KH-UBND đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; xác định rõ việc đảm bảo an ninh lương thực (ANLT) là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đồng thời xây dựng Kế hoạch và cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, dự án, có cơ chế chính sách hợp lý, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch; chuyên đổi cơ cấu cây trồng phải đúng quy định, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và triển khai các chương trình, Dự án đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ nhu cầu dinh dưỡng cho người dân trong mọi tình huống nhằm

nâng cao sức khỏe, thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người; đồng thời thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Chú trọng đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhằm tăng sản lượng lương thực, thực phẩm trên cơ sở đầu tư thâm canh cao vào nông nghiệp đi đôi với ứng dụng công nghệ sinh học; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện; sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm từ 11-13%/năm. Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm từ 25-27%. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 chiếm khoảng 30%; tỷ lệ sản phẩm đảm bảo theo các tiêu chuẩn an toàn lĩnh vực trồng trọt trên 70%, lĩnh vực chăn nuôi trên 80%, thủy sản trên 70%, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm 89,7% (trong đó trồng trọt chiếm 43,4%, chăn nuôi chiếm 54,3% và dịch vụ nông nghiệp chiếm 2,3%, lâm nghiệp chiếm 0,6%, thủy sản chiếm 9,7%).

Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác đến năm 2025 đạt 175 triệu đồng/ha; đến năm 2030 đạt khoảng 210 triệu đồng/ha. Sản lượng lương thực bình quân/đầu người đến năm 2025 đạt 440 kg/người, đến năm 2030 đạt 430 kg/người.

Sản xuất nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021- 2030 tăng từ 1,5-1,6%/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 đối với nông nghiệp 30%; tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp đảm bảo theo các tiêu chuẩn an toàn lĩnh vực trồng trọt đạt trên 70%, chăn nuôi trên 80%, thủy sản trên 70%, đảm bảo ANLT trên địa bàn huyện, tiêu thụ trong nước và một phần xuất khẩu.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, giữ ổn định diện tích 2.370 ha đất 2 vụ lúa; Tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt khoảng 81.000 tấn; tổng sản lượng thực phẩm hàng năm đạt 56.000 tấn; tổng sản lượng thủy sản là 10.000 tấn; tổng sản lượng thịt hơi các loại 40.000tấn; trứng gia cầm 280.000 quả cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các loại sản phẩm như thịt, trứng, sữa, thủy sản, rau quả với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần bảo đảm nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

Sử dụng hiệu quả quỹ đất sản xuất lúa, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, bảo đảm thu nhập của người dân khu vực nông thôn cao gấp 2 lần so với năm 2020.

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 10 %.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác truyền truyền triển khai thực hiện

Các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị từ huyện đến cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch số 302/KH-UBND; tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của việc đảm bảo về ANLT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Xây dựng quy hoạch và phát triển sản xuất để đảm bảo ANLT quốc gia

2.1. Quy hoạch chung:

Trên cơ sở kết quả phê duyệt bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, các vùng nông sản chủ lực, đặc trưng được tích hợp đầy đủ, bổ sung một số vùng chăn nuôi tập trung vào quy hoạch tỉnh (*Theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh*); Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa được chỉ rõ đến từng vùng sản xuất, trong đó chú trọng đến việc bảo vệ diện tích đất 2 lúa, vùng sản xuất lúa tập trung nhằm đảm bảo ANLT và nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập cho nông dân; Tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển sản xuất cây ăn quả theo Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện về phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất cây ăn quả đến năm 2020, định hướng 2030.

* Về quy hoạch các loại đất trồng cây lương thực:

- Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện đến năm 2030 là 12.435,47 ha, trong đó:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 là 5.517,1 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước đến năm 2030 là 4.802,25 ha).

+ Đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2030 là 714,85 ha.

(chi tiết tại biểu số 01)

* Về diện tích gieo trồng các loại cây lương thực

- Diện tích cây lương thực có hạt gieo trồng toàn huyện đến năm 2025 là 13.935 ha, sản lượng 80.230 tấn, lương thực bình quân theo đầu người là 384 kg/người/năm; đến năm 2030 là 13.640 ha, sản lượng 79.100 tấn, lương thực bình quân 370 kg/người/năm.

+ Dự kiến diện tích lúa gieo trồng toàn huyện đến năm 2025 là 12.500 ha, sản lượng 74.380 tấn; đến năm 2030 là 12.200 ha, sản lượng 73.200 tấn

+ Dự kiến diện tích ngô gieo trồng toàn huyện đến năm 2025 là 1.435 ha, sản lượng 5.850 tấn; đến năm 2030 là 1.440 ha, sản lượng 5.900 tấn.

(chi tiết tại biểu số 02)

* Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện đến năm 2025 là 3,25 triệu con; sản lượng thịt hơi các loại là 37.000 tấn, trứng gia cầm 250.000 quả; lượng thịt hơi bình quân đầu người 205 kg/người/năm, trứng 138

quả/người/năm; đến năm 2030 tổng đàn gia súc, gia cầm là 3,45 triệu con, sản lượng là 40.000 tấn, trứng gia cầm 280.000 quả; lượng thịt hơi bình quân theo đầu người là 207 kg/người/năm, trứng 150 quả/người/năm.

* **Về thủy sản:** Diện tích nuôi trồng thủy sản các loại đến năm 2025 là 1.300 ha, sản lượng 9.800 tấn, lượng thủy sản bình quân theo đầu người là 54,4 kg/người/năm; đến năm 2030 là 1.200 ha, sản lượng 9.800 tấn, lượng thủy sản bình quân theo đầu người là 55 kg/người/năm.

(Cụ thể chi tiết tại phụ biểu)

* **Về sản xuất nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn:** Nâng cao tỷ lệ sản xuất nông nghiệp theo quy trình, tiêu chuẩn (VietGAP) và tiêu chuẩn an toàn; đến năm 2025, lĩnh vực trồng trọt đạt 66,7 %, chăn nuôi 60%, thủy sản 55%, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP đạt 96 %. Đến năm 2030, lĩnh vực trồng trọt đạt 86,7%, chăn nuôi đạt trên 80 %, thủy sản trên 70%, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP đạt 100 %.

(Cụ thể chi tiết tại phụ biểu 03)

2.2. Quy hoạch vùng phát triển nhóm sản phẩm chủ lực

Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo các trục sản phẩm "nhóm sản phẩm chủ lực" và "nhóm sản phẩm đặc trưng của từng địa phương" (OCOP) nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng.

- **Đối với nhóm sản phẩm chủ lực:** Áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế (tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ...) để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ **Cây ăn quả:** Tổng diện tích cây ăn quả đến năm 2025 là 3.800 ha, đến năm 2030 là 4.290 ha. Hình thành, mở rộng các vùng sản xuất vải sớm, bưởi, ổi, nhãn, vú sữa đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP tại các xã: Phúc Hòa, Liên Sơn, Hợp Đức, An Dương, TT Cao Thượng, Liên Chung, Tân Trung, Việt Ngọc... trong đó sản phẩm vải sớm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm là 1.020 ha, diện tích vải sản xuất ứng dụng công nghệ cao khoảng 750 ha, diện tích vải sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP đảm bảo đủ tiêu chuẩn xuất khẩu là 20ha.

+ **Cây lúa:** Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa 02 vụ (khoảng 2.370 ha) để đảm bảo ANLT. Diện tích lúa gieo cấy đến năm 2025 là 12.500 ha, sản lượng 74.380 tấn (trong đó diện tích lúa chất lượng chiếm 44 %); đến năm 2030 là 12.200 ha, sản lượng 73.200 tấn (trong đó diện tích lúa chất lượng chiếm 56,6 %).

+ **Cây rau màu:** Hình thành và mở rộng các vùng sản xuất tập trung đối với các loại rau quả thực phẩm, rau quả chế biến xuất khẩu, rau an toàn đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng với quy mô diện tích là 545 ha chủ yếu tại các xã: Phúc Sơn,

Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Lam Cốt, Quang Tiến, Đại Hóa,... Đến năm 2025 tổng diện tích rau các loại đạt 3.250 ha, sản lượng đạt 56.000 tấn, tổng diện tích đến năm 2030 đạt 3.350 ha, sản lượng 61.98 tấn.

+ *Con lợn*: Đến năm 2025, đàn lợn đạt 230 nghìn con, đến năm 2030 đạt 250 nghìn con; phát triển mạnh chăn nuôi trang trại tập trung quy mô lớn theo hình thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh, với quy mô chiếm khoảng 80% tổng đàn; có ít nhất 20% số trang trại chăn nuôi có liên doanh liên kết hoặc đầu tư nuôi gia công, giảm tối thiểu hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

+ *Con gia cầm*: Đến năm 2025, đàn gia cầm đạt 3 triệu con, trong đó đàn gà đến năm 2035 là 3,2 triệu con, sản lượng 4.200 tấn; trong đó, có trên 70% tổng đàn chăn nuôi tập trung quy mô lớn theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ *Thủy sản*: Đến năm 2025, diện tích thủy sản nuôi thâm canh, bán thâm canh 1.271ha, sản lượng 9.800 tấn; đến năm 2030 là 1.250ha, sản lượng 10.000 tấn. Có trên 70% diện tích nuôi thủy sản tập trung theo quy trình VietGAP, trong đó 40% diện tích thủy sản nuôi tập trung sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP.

*** Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (sản phẩm OCOP):**

Đến năm 2025: Phần đầu toàn huyện có khoảng 30 sản phẩm OCOP, trong đó có ít nhất 02 sản phẩm đạt 4 sao trở lên (sản phẩm đạt trên 80 điểm), có chất lượng và khoảng 30-40% hợp tác xã nông nghiệp tham gia chương trình OCOP.

Đến năm 2030: Tập trung phát triển, tiêu chuẩn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, đưa chương trình OCOP đi vào chiều sâu, gắn phát triển nông nghiệp với dịch vụ, du lịch. Phần đầu đến năm 2030, toàn huyện có khoảng 40 sản phẩm được xếp hạng từ 3 sao trở lên, trong đó có 2-3 sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên; triển khai thực hiện xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch, du lịch cộng đồng, có ít nhất 01 điểm trưng bày sản phẩm OCOP của huyện tại các điểm di tích, khu du lịch sinh thái.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ

3.1. Cơ sở hạ tầng đê điều, thủy lợi

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư, huy động các nguồn lực để phát triển nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, gắn với phát triển đô thị và phát triển kinh tế, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phòng chống thiên tai, công trình phục vụ ứng phó với

biến đổi khí hậu (ngập lụt, bão lũ, hạn hán, sạt lở), hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ ở nông thôn.

Xây dựng, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện, phấn đấu đến năm 2025 huyện Tân Yên đạt chuẩn huyện NTM nâng cao. Sử dụng lồng ghép đa dạng hóa nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn như công trình nước sạch, thủy lợi, giao thông nội đồng... Khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công. Khai thác tiềm năng của các công trình thủy lợi phục vụ du lịch, dịch vụ cấp nước sinh hoạt, cấp nước công nghiệp.

Về hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho đất lúa, rau, màu và cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, nguồn nước, cấp đủ nước để tưới cho 11.697 ha đất canh tác, bảo đảm tưới chủ động cho 100% diện tích lúa 2 vụ (12.570 ha/năm), đảm bảo tưới, tiêu nước chủ động phục vụ phát triển vùng cây ăn quả 3.624 ha (chiếm 31%), nuôi trồng thủy sản và phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, đồng thời đảm bảo cấp đủ nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

3.2. Về cơ sở xây dựng và phát triển hạ tầng, hệ thống logistic, cảng, bến bãi phục vụ lưu thông lương thực, thực phẩm

Nâng cấp hệ thống hạ tầng thương mại hiện có và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng hiện đại nhằm phục vụ tốt nhu cầu về lương thực, thực phẩm: đến năm 2030, toàn huyện có 13 chợ được đầu tư nâng cấp, trong đó có 7 chợ được Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, hoạt động đảm bảo tiêu chí Chợ; có khoảng 03 trung tâm thương mại và siêu thị, đã đáp ứng các hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa.

(Cụ thể chi tiết tại phụ biểu 08)

3.3. Về hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến và bảo quản

Triển khai có hiệu quả các chủ trương cơ chế chính sách của tỉnh như: Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và chính sách về khuyến nông; Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về Ban hành Quy định nội dung, mức chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Các chủ trương, chính sách của huyện như: Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện về phát triển kinh tế xã hội huyện Tân Yên 5 năm giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn

2021-2025; Kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng đối với sản xuất cây ăn quả, cây dược liệu trên địa bàn huyện Tân Yên.

Khuyến khích liên kết “6 nhà” (Nhà nông - Nhà nước - Nhà đầu tư - Nhà băng - Nhà khoa học - Nhà phân phối) bền vững, công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ. Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp bằng các hình thức hợp tác, hình thành các hiệp hội, phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, có sự tham gia của doanh nghiệp. Xây dựng môi trường thuận lợi nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn huyện. Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao để phục vụ cho xuất khẩu; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hỗ trợ để phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, GHP, GMP, HACCP, ISO,...) tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện phát triển của từng vùng đối với từng vật nuôi, cây trồng.

3.4. Về Khoa học và Công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao ứng dụng công nghiệp 4.0 vào sản xuất; chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, khuyến nông, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển của thị trường. Chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm; kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản.

Tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp và xây dựng các vùng an toàn về dịch bệnh. Ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Chủ động phối hợp với các đơn vị chuyển giao, đơn vị nghiên cứu để lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ưu thế đưa vào thực tiễn sản xuất đảm bảo tạo bước đột phá mới về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước xây dựng đội ngũ có trình độ quản lý và kỹ thuật chuyên nghiệp, phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, nâng cao chất lượng, kỹ năng tập huấn, hướng dẫn trực tiếp về ứng dụng công nghệ trong quy trình nhân và sản xuất giống cây, con cho lực lượng lao động trực tiếp tham gia ở các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia các chương trình hợp tác đào tạo tại khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đào tạo, củng cố chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật đảm bảo đủ năng lực, chuyên môn đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm đảm bảo an sinh xã hội nông thôn; hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại.

Thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa các phương thức, mô hình đào tạo, các hình thức liên kết, phối hợp đào tạo theo các đề án, dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn; chú trọng dạy nghề cho thanh niên nông thôn, nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

5. Cơ chế chính sách đối với nông dân, địa phương và doanh nghiệp

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và quản lý đất đai trên địa bàn để bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; tích tụ đất đai trên cơ sở hình thành thị trường chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp để đạt thu nhập cao hơn;

Tiếp tục triển khai và thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện để tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho nông dân; tạo mọi điều kiện, đặc biệt là đất đai, thủ tục hành chính để doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, liên kết xây dựng chuỗi giá trị sản xuất đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện.

Huy động các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn. Tiếp tục có cơ chế hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh tập trung quy mô lớn; hỗ trợ sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của huyện theo chuỗi giá trị; sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC theo chuỗi liên kết, sản xuất nông nghiệp hữu cơ ...

6. Xuất khẩu lương thực, thực phẩm

Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực như: vải sớm, rau quả thực phẩm, rau quả chế biến vào các thị trường như Trung Quốc, tiến tới các nước như: Nhật Bản, Mỹ,...

7. Đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển hợp tác xã (HTX), liên kết sản xuất

Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất lương thực theo hướng liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm; tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ; phát triển kinh

tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ nông nghiệp. Phần đầu đến năm 2030 toàn huyện có 102 HTX, 25 tổ hợp tác, 185 trang trại; phần đầu có 70% HTX, trang trại trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

(chi tiết tại biểu 06)

Hình thành hệ thống các HTX liên kết với doanh nghiệp trong cung cấp dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân trong các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; phần đầu có 70% HTX nông nghiệp, trang trại liên kết với doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, hoạt động ứng dụng công nghệ cao, phần đầu có trên 60% HTX, trang trại có ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Nhu cầu dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến năm 2030

Bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối, khoa học, nâng mức tiêu thụ lương thực để nâng cao tầm vóc, thể lực, trí lực; phần đầu đến năm 2030 giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi thấp hơn bình quân chung của toàn tỉnh; đẩy mạnh hoạt động giáo dục truyền thông dinh dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng thực hành của cộng đồng về dinh dưỡng hợp lý; đẩy mạnh các hoạt động giám sát chặt chẽ, phát hiện sớm, điều trị tích cực và dự phòng các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng.

9. Phát triển hệ thống thông tin an ninh lương thực (ANLT)

Đẩy mạnh phát triển hệ thống thông tin ANLT như: Thu thập các thông tin về tình hình sản xuất lương thực, thực phẩm trên địa bàn, bao gồm các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính; quy mô đàn vật nuôi, sản lượng sản phẩm một số vật nuôi chính, thu thập các thông tin về thời tiết khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi... để chủ động xây dựng kế hoạch và bảo vệ sản xuất. Tiến hành xây dựng mô hình dự báo một số cây trồng, vật nuôi chính; đối với một số sản phẩm như sản xuất lúa gạo có tầm đặc biệt đối với ANLT cần có nhận định tình hình và dự báo nhu cầu về lương thực sát với tình hình thực tế.

Từng bước thiết lập thông tin về thị trường, về giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm chính trong nước: giá bán buôn, bán lẻ tại các khu vực, thông tin về chính sách ANLT quốc gia, bao gồm quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh, chính sách hỗ trợ người trồng lúa... Thông qua đó sẽ nắm được tình hình chung và định hướng cho quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa bàn.

Chủ động tham gia các hội chợ, triển lãm về nông sản và sản phẩm chế biến trong và ngoài huyện. Liên kết tiêu thụ sản phẩm tại các chợ đầu mối, hệ thống siêu thị tại những thành phố lớn và thị trường xuất khẩu; tăng cường công tác quảng bá nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý đã được

chứng nhận và tiếp tục thực hiện xây dựng các nhãn hiệu hàng hóa nông nghiệp kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với kinh doanh du lịch sinh thái đối với một số sản phẩm chủ lực và đặc trưng của huyện.

10. Nguồn kinh phí và cơ chế chính sách thực hiện đảm bảo về ANLT

Được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh, huyện; nguồn vốn thực hiện lồng ghép với từ các chương trình, dự án, đề án phát triển nông nghiệp hàng năm của huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

Là Cơ quan Thường trực, chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện để tổ chức, triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trên địa bàn đến năm 2030. Định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất nông nghiệp; phối hợp, lựa chọn sản phẩm xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc, thiết kế bao bì, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND huyện, bố trí, phân bổ vốn, lồng ghép vào các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch từ nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện kế hoạch.

3. Ngân hàng NN&PTNT huyện, Ngân hàng Chính sách XH huyện

Bố trí đủ nguồn vốn, nhu cầu vốn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn với lãi suất ưu đãi; đơn giản hóa thủ tục vay vốn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng tăng khả năng tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh các chương trình cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, TT tham mưu, ban hành, hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách, quy định của pháp luật về quản lý đất đai trên địa bàn để khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp. Tham mưu, xây dựng kế hoạch sử dụng, chuyển đổi đất với nguyên tắc bảo vệ nghiêm ngặt đất trồng lúa đảm bảo cho an ninh lương thực lâu dài.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tham mưu phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; phối hợp với các đơn vị liên quan, doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại, quan tâm đối với các doanh nghiệp chế biến nông sản; xây dựng thương hiệu cho các loại nông sản, thương hiệu doanh nghiệp gắn với sản phẩm tiềm năng của huyện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ gắn với các đề án, dự án, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các giống mới, quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

6. Phòng Y tế huyện

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, TT đề chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát; đánh giá kết quả chương trình hành động về dinh dưỡng. Tăng cường quản lý nhà nước về y tế, kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm; tuyên truyền để nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường.

7. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đề xuất thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về giảm nghèo; tham mưu, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xuất khẩu lao động nông nghiệp.

8. Phòng VH&TT, Trung tâm VH-TT&TT huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương để phát triển mạng lưới công nghệ thông tin đến tận xã, thôn, tổ dân phố; nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn huyện về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát quá trình sản xuất, dễ dàng tiếp cận các thông tin về khoa học kỹ thuật và thông tin thị trường nông sản; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng trên cổng thông tin điện tử của huyện; xây dựng cổng thông tin điện tử về nông sản.

9. Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện

Chủ động, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia sản xuất; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác chuyển giao KHKT vào sản xuất, trọng tâm là chuyển giao các quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng hữu cơ, tích cực xây dựng các mô hình về cây, con giống mới để đánh giá làm cơ sở nhân rộng mô hình; Làm tốt công tác dự tính, dự báo, hướng dẫn nhân dân phòng trừ dịch hại trên vật nuôi, cây trồng, thủy sản.

10. Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các cơ quan chuyên môn tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đến hội viên, đoàn viên để thống nhất nhận thức và hành động nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để đảm bảo về an ninh lương thực; tăng cường vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện kế hoạch và giám sát việc thực hiện.

11. UBND các xã, thị trấn

Căn cứ vào Kế hoạch của UBND huyện, đề cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của địa phương với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, bổ sung vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm của địa phương; hướng dẫn các thôn, tổ dân phố thực hiện Kế hoạch về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 đảm bảo đúng quy hoạch, đúng mục đích sử dụng đất và định hướng lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp vào sản xuất.

Hàng năm, rà soát diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhằm chuyển đổi sang đất nuôi trồng các loại cây, loại con khác có giá trị cao hơn và xây dựng kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực tại địa bàn. Tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại địa bàn.

Bố trí ngân sách địa phương, các nguồn vốn để huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn tại địa bàn.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NN;

Bản điện tử:

- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện,
- UB MTTQ, các đoàn thể huyện.
- Các phòng, ban liên quan;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- CVP, CVNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Huy